

Số: 04/ CBTT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Vv công bố thông tin  
Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm  
tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: -Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long**

Trụ sở chính: Số 86, đường 3/2, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 02703.822729

Fax : 02703.831283

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Ngô Thành Thía**

Địa chỉ: 79/28, đường Phạm Thái Bường, phường 4, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 0918165880 - 02703.830707

Loại thông in công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn [www.vipuco.vn](http://www.vipuco.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT,BKS, Thư ký;
- BGD Cty;
- Lưu

Người thực hiện công bố thông tin



Ngô Thành Thía

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực công ích với tên gọi là Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long. Theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01/10/2016.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, thay đổi lần 5 ngày 08/7/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 08/7/2022 là 35.362.220.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là VLP.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thuần	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Yên Đan	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên

**Ban Điều hành**

Ông Nguyễn Văn Thuần	Giám đốc
Ông Phan Thanh Hiền	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty,



**Ngô Thành Thía**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Vĩnh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số: 1352025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**  
**Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long được lập ngày 24/3/2025, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán ngày 15/3/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



A blue handwritten signature.

---

**Lưu Minh Tới****Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 06/2025/UQ -CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025*

---

**Lê Thanh Tùng Lâm****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>41.468.092.807</b>	<b>54.921.875.271</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>8.509.862.639</b>	<b>21.269.975.937</b>
1. Tiền	111		3.509.862.639	16.269.975.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.000.000.000	15.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.029.359.817</b>	<b>17.392.099.469</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	16.481.895.625	12.537.849.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	245.707.000	1.540.807.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.349.964.192	3.361.649.498
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(48.207.000)	(48.207.000)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>325.897.317</b>	<b>514.229.297</b>
1. Hàng tồn kho	141		325.897.317	514.229.297
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.602.973.034</b>	<b>745.570.568</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	401.005.632	182.701.511
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	1.201.967.402	562.869.057
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>13.726.697.160</b>	<b>14.624.977.304</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.876.956.267</b>	<b>13.048.104.245</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.876.956.267	13.048.104.245
- Nguyên giá	222		42.740.624.768	40.299.345.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.863.668.501)	(27.251.241.095)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>25.348.485</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	25.348.485
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>849.740.893</b>	<b>1.551.524.574</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	849.740.893	1.551.524.574
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>55.194.789.967</b>	<b>69.546.852.575</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vinh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>4.737.076.350</b>	<b>17.460.740.503</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.737.076.350</b>	<b>17.460.740.503</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	298.543.480	989.665.160
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.273.271	1.330.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	934.099.408	3.951.744.156
4. Phải trả người lao động	314		1.706.780.926	9.365.938.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		549.221.482	747.913.959
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	179.540.360	241.427.457
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.054.617.423	2.162.721.507
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>50.457.713.617</b>	<b>52.086.112.072</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.12</b>	<b>50.460.676.617</b>	<b>52.089.425.072</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.362.220.000	35.362.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.362.220.000	35.362.220.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.568.439.167	13.083.953.310
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.530.017.450	3.643.251.762
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	448.393.196
- LNST chưa phân phối kì này	421b		1.530.017.450	3.194.858.566
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(2.963.000)</b>	<b>(3.313.000)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(2.963.000)	(3.313.000)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>55.194.789.967</b>	<b>69.546.852.575</b>

Tp. Vinh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	53.828.294.329	84.126.359.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	3.234.070.568
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10	6.3	53.828.294.329	80.892.288.886
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	43.130.089.440	63.551.196.477
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		10.698.204.889	17.341.092.409
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	602.624.370	819.207.781
7. Chi phí tài chính	22	6.6	8.365.139	19.890.411
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	8.814.342.193	12.151.003.279
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	30		2.478.121.927	5.989.406.500
11. Thu nhập khác	31	6.8	249.129.548	197.074.132
12. Chi phí khác	32	6.8	98.952.552	642.914.441
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40	6.8	150.176.996	(445.840.309)
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	50		2.628.298.923	5.543.566.191
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	548.281.473	698.707.625
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		2.080.017.450	4.844.858.566
18. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	6.11	433	397

Tp. Vĩnh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
Trần Thị Kim Dung

  
Trần Thị Kim Dung



  
Ngô Thành Thía

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vinh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.628.298.923	5.543.566.191
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.612.427.406	2.458.111.824
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(602.624.370)	(620.690.188)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(306.660.000)	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.331.441.959	7.380.987.827
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.276.358.693)	11.064.077.666
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		188.331.980	209.450.005
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.066.640.224)	675.750.576
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		508.828.045	1.238.947.130
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.187.379.818)	(2.426.142.445)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		350.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.449.343.389)	(3.588.828.325)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(15.950.770.140)</b>	<b>14.554.242.434</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.441.279.428)	(951.778.299)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	63.949.091
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.000.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.000.000.000	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		602.624.370	939.043.397
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>4.161.344.942</b>	<b>51.214.189</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(970.688.100)	(1.768.111.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(970.688.100)</b>	<b>(1.768.111.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>(12.760.113.298)</b>	<b>12.837.345.623</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.269.975.937	8.432.630.314
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	8.509.862.639	21.269.975.937

Tp. Vinh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngô Thành Thía

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực công ích với tên gọi là Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long. Theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01/10/2016.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, thay đổi lần 5 ngày 08/7/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 08/7/2022 là 35.362.220.000 đồng (*bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là VLP.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 235 người (tại ngày 31/12/2023 là 264 người)

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích ...)
- Xây dựng công trình đường sắt
- Xây dựng công trình điện, công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghĩa địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Lợi thế kinh doanh:**

Lợi thế kinh doanh là phần giá trị tài sản phát sinh tăng liên quan đến quá trình cổ phần hóa được phân bổ trong thời gian 93 tháng.

**Chi phí sửa chữa:**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định được phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn dịch vụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường, cụ thể như sau:

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10%, được tính từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 5 năm tiếp theo, được tính từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi và áp dụng miễn, giảm thuế tính từ năm 2017. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ công cộng không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ và Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	808.694.773	348.022.647
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.701.167.866	15.921.953.290
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>8.509.862.639</b>	<b>21.269.975.937</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,4%/năm.

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	9.000.000.000	9.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

(i) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn từ 03 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,4% - 4,8 %/năm.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	5.995.412.190	2.575.055.125
Phòng Tài Nguyên và Môi Trường Huyện Long Hồ	1.438.932.000	1.452.258.000
Bảo tàng Vĩnh Long	1.078.031.000	1.672.978.870
Phòng Tài Nguyên và Môi Trường Huyện Tam Bình	2.679.619.135	1.003.887.556
Các khách hàng khác	5.289.901.300	5.833.670.420
<b>Tổng</b>	<b>16.481.895.625</b>	<b>12.537.849.971</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	<b>5.995.412.190</b>	<b>2.575.055.125</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	-	770.100.000
Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Minh Đức	-	350.000.000
Công ty TNHH MTV DV VS Công nghiệp Hoàng Dân	-	300.000.000
Cơ sở Hoa Kiểng Yến Vy	166.000.000	50.000.000
Các nhà cung cấp khác	79.707.000	70.707.000
<b>Tổng</b>	<b>245.707.000</b>	<b>1.540.807.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Phải thu người lao động (thuế TNCN)	73.679.904	-	146.390.283	-
Phải thu về Cổ phần hóa	313.000.000	-	313.000.000	-
Tạm ứng	1.723.469.817	-	1.174.741.913	-
Bảo hành công trình	17.893.950	-	3.663.950	-
Sở tài chính tỉnh Vĩnh Long: Công trình Gia cố đê bao bãi rác Hòa Phú	265.450.000	-	265.450.000	-
Lãi dự thu	34.202.740	-	39.821.918	-
Ký quỹ, ký cược bảo hành công trình	1.804.705.128	-	1.370.942.634	-
Các khoản khác	1.117.562.653	-	47.638.800	-
<b>Tổng</b>	<b>5.349.964.192</b>	<b>-</b>	<b>3.361.649.498</b>	<b>-</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	118.730.608	-	346.767.397	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	207.166.709	-	167.461.900	-
<b>Tổng</b>	<b>325.897.317</b>	<b>-</b>	<b>514.229.297</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>401.005.632</b>	<b>182.701.511</b>
Chi phí bảo hiểm	50.617.899	51.360.400
Chi phí sửa chữa	350.387.733	125.930.502
Chi phí khác	-	5.410.609
<b>b) Dài hạn</b>	<b>849.740.893</b>	<b>1.551.524.574</b>
Giá trị lợi thế kinh doanh	765.490.972	1.202.914.396
Chi phí sửa chữa	84.249.921	329.390.185
Công cụ dụng cụ	-	19.219.993
<b>Tổng</b>	<b>1.250.746.525</b>	<b>1.734.226.085</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**  
Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vinh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2024	3.090.418.143	36.927.606.336	103.317.273	178.003.588	40.299.345.340
Tăng trong năm	-	2.409.470.337	-	-	2.441.279.428
Mua trong năm	-	2.409.470.337	-	31.809.091	2.441.279.428
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	3.090.418.143	39.337.076.673	103.317.273	209.812.679	42.740.624.768
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	2.903.981.546	24.280.322.629	31.240.501	35.696.419	27.251.241.095
Tăng trong năm	28.516.139	2.528.886.360	19.424.195	35.600.712	2.612.427.406
Khấu hao trong năm	28.516.139	2.528.886.360	19.424.195	35.600.712	2.612.427.406
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.932.497.685	26.809.208.989	50.664.696	71.297.131	29.863.668.501
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2024	186.436.597	12.647.283.707	72.076.772	142.307.169	13.048.104.245
Tại ngày 31/12/2024	157.920.458	12.527.867.684	52.652.577	138.515.548	12.876.956.267

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 17.770.868.280 VND (tại ngày 31/12/2023: 17.770.868.280 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**  
Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vinh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chí Thương	-	-	454.250.000	454.250.000
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh	-	-	192.800.000	192.800.000
Công ty TNHH MTV Nhật Toàn Phát	-	-	193.700.160	193.700.160
HKD Hoàng Thành 2	175.615.000	175.615.000	-	-
HKD Garage Hoàng Thành	63.000.000	63.000.000	-	-
Các đối tượng khác	59.928.480	59.928.480	148.915.000	148.915.000
<b>Tổng</b>	<b>298.543.480</b>	<b>298.543.480</b>	<b>989.665.160</b>	<b>989.665.160</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính : VND

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>3.951.744.156</b>	<b>3.578.905.152</b>	<b>6.596.549.900</b>	<b>934.099.408</b>			
Thuế giá trị gia tăng	3.862.546.337	2.509.914.042	5.464.006.497	908.453.882			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	548.281.473	548.281.473	-			
Thuế thu nhập cá nhân	89.197.819	203.664.679	267.216.972	25.645.526			
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	292.833.611	292.833.611	-			
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	21.211.347	21.211.347	-			
<b>Phải thu</b>	<b>562.869.057</b>	<b>-</b>	<b>639.098.345</b>	<b>1.201.967.402</b>			
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa do tạm quyết toán	562.869.057	-	639.098.345	1.201.967.402			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.11 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.690.269	36.577.331
Nhận ký quỹ ký cược	177.850.000	204.850.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	91	126
<b>Tổng</b>	<b>179.540.360</b>	<b>241.427.457</b>

**5.12 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	35.362.220.000	13.181.836.372	3.087.143.326	51.631.199.698
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	4.844.858.566	4.844.858.566
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	(97.883.062)	97.883.062	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(968.522.192)	(968.522.192)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	(1.650.000.000)	(1.650.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(1.768.111.000)	(1.768.111.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>13.083.953.310</b>	<b>3.643.251.762</b>	<b>52.089.425.072</b>
Số dư tại ngày 01/01/2024	35.362.220.000	13.083.953.310	3.643.251.762	52.089.425.072
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	2.080.017.450	2.080.017.450
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	484.485.857	(484.485.857)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(1.791.239.305)	(1.791.239.305)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (ii)	-	-	(550.000.000)	(550.000.000)
Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty (i)	-	-	(306.660.000)	(306.660.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	(1.060.866.600)	(1.060.866.600)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2024</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>13.568.439.167</b>	<b>1.530.017.450</b>	<b>50.460.676.617</b>

(i) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CTCC ngày 27/6/2024, theo đó, Công ty chia cổ tức 3% vốn điều lệ tương ứng với 1.060.866.600 VND, trích quỹ đầu tư phát triển 10% trên lợi nhuận sau thuế năm 2023 tương ứng với 484.485.857 VND, trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 1,18 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động tương ứng với 3.441.239.305 VND (trong đó đã trích trước trong năm 2023 số tiền là 1.650.000.000 VND, số tiền trích thêm năm nay là 1.791.239.305 VND). Quỹ thưởng người quản lý bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý tương ứng với 306.660.000 VND.

(ii) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 là 550.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vinh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	81,24%	2.872.822	28.728.220.000	81,24%	2.872.822	28.728.220.000
Các cổ đông khác	18,76%	663.400	6.634.000.000	18,76%	663.400	6.634.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.536.222</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.536.222</b>	<b>35.362.220.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Vốn góp tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>35.362.220.000</b>
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>35.362.220.000</b>
Chia cổ tức	1.060.866.600	1.768.111.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.536.222</b>	<b>3.536.222</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.536.222</b>	<b>3.536.222</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.536.222</b>	<b>3.536.222</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.828.294.329	84.126.359.454
<b>Tổng</b>	<b>53.828.294.329</b>	<b>84.126.359.454</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá dịch vụ cung cấp	-	3.234.070.568
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>3.234.070.568</b>

**6.3 Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.828.294.329	80.892.288.886
<b>Tổng</b>	<b>53.828.294.329</b>	<b>80.892.288.886</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>18.538.003.354</i>	<i>46.025.052.612</i>

**6.4 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.130.089.440	63.551.196.477
<b>Tổng</b>	<b>43.130.089.440</b>	<b>63.551.196.477</b>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	602.624.370	819.207.781
<b>Tổng</b>	<b>602.624.370</b>	<b>819.207.781</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.6 Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí khác	8.365.139	19.890.411
<b>Tổng</b>	<b>8.365.139</b>	<b>19.890.411</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.275.474.519	9.059.758.457
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.941.193	131.400.508
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.738.910	164.496.592
Thuế phí và lệ phí	295.833.611	66.118.049
Chi phí dự phòng	201.643.000	321.466.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	405.483.055	665.886.218
Chi phí quản lý khác	1.409.227.905	1.741.877.215
<b>Tổng</b>	<b>8.814.342.193</b>	<b>12.151.003.279</b>

**6.8 Lợi nhuận khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Tiền thu từ bảo hiểm	24.300.400	26.597.667
Thu tiền bán phế liệu	97.222.222	73.400.674
Tiền đặt cọc hợp đồng	55.555.556	-
Các khoản khác	72.051.370	97.074.791
<b>Tổng</b>	<b>249.129.548</b>	<b>197.073.132</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	-	198.517.593
Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	78.700.970	267.333.110
Chi bồi thường khắc phục tai nạn giao thông	-	177.049.360
Chi phí khác	20.251.582	13.378
<b>Tổng</b>	<b>98.952.552</b>	<b>642.913.441</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>150.176.996</b>	<b>(445.840.309)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.800.271.753	12.622.447.615
Chi phí nhân công	25.333.561.343	47.385.721.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.627.431.483	2.458.111.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.666.124.519	4.570.586.769
Chi phí khác	7.702.364.550	9.127.423.023
<b>Tổng</b>	<b>51.129.753.648</b>	<b>76.164.290.829</b>

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.628.298.923	5.543.566.191
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>299.977.698</i>	<i>577.332.985</i>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>299.977.698</i>	<i>577.332.985</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.928.276.621</b>	<b>6.120.899.176</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>2.928.276.621</b>	<b>6.120.899.176</b>
<b>Trong đó:</b>		
Thu nhập từ hoạt động ưu đãi chịu thuế 10%	-	5.254.722.099
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 20%	2.928.276.621	866.177.078
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>585.655.324</b>	<b>698.707.625</b>
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	(37.373.851)	-
<b>Thuế TNDN Phải nộp</b>	<b>548.281.473</b>	<b>698.707.625</b>

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.080.017.450</b>	<b>4.844.858.566</b>
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(550.000.000)	(3.441.239.305)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.530.017.450	1.403.619.261
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (ii)</b>	<b>433</b>	<b>397</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vinh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

(i) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CTCC ngày 27/6/2024, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 với số tiền 550.000.000 VND, số tiền này có thể thay đổi sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua. Từ đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể thay đổi.

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong năm 2024. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày lại như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Năm 2023	Năm 2023	
	(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.844.858.566	4.844.858.566	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(1.650.000.000)	(3.441.239.305)	(1.791.239.305)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.194.858.566	1.403.619.261	(1.791.239.305)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	903	397	(507)

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

**a. Danh sách bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Chủ sở hữu
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Cùng chủ sở hữu
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

**b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**b1. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành**

*Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị*

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	576.325.947	575.307.351
Ông Nguyễn Khắc Yên Đan	Thành viên	340.979.269	320.178.674
<b>Tổng</b>		<b>917.305.216</b>	<b>895.486.025</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b1. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành (Tiếp theo)**

*Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Phạm Công Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát	427.428.163	405.382.902
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên	36.000.000	137.483.265
<b>Tổng</b>		<b>463.428.163</b>	<b>542.866.167</b>

*Lương và các lợi ích khác của Ban Điều hành và người quản lý khác*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên HĐQT, Giám đốc	518.693.352	518.474.608
Ông Phan Thanh Hiền	Phó Giám đốc	250.857.042	292.756.218
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	398.611.866	377.276.531
<b>Tổng</b>		<b>1.168.162.260</b>	<b>1.188.507.357</b>

**b2. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b><u>Giao dịch bán</u></b>			
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Cung cấp dịch vụ	18.538.003.354	49.230.911.083
<b><u>Giảm trừ doanh thu</u></b>			
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Giảm giá dịch vụ cung cấp	-	3.205.858.471
<b><u>Doanh thu thuần</u></b>			
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	18.538.003.354	46.025.052.612

**b3. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Khoản mục số dư	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Phải thu khách hàng	5.995.412.190	2.575.055.125
<b>Tổng</b>		<b>5.995.412.190</b>	<b>2.575.055.125</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

*Tp. Vĩnh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2025*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



**Trần Thị Kim Dung**



**Trần Thị Kim Dung**



**Ngô Thành Thía**

